

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH TRONG NÔNG NGHIỆP Ở HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2010-2022

Đinh Thị Thành^{1,2}

¹Trường THCS Bạch Liêu - Thị trấn Yên Thành, Nghệ An, Việt Nam

² Học viên cao học K29 chuyên ngành Địa lý học, Trường Đại học Vinh, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
ISSN: 1859-2228

Volume: 52

Issue: 4B

***Correspondence:**
Thanhmeodhv@gmail.com

Received: 23 June 2023

Accepted: 27 July 2023

Published: 20 December 2023

Citation:

Đinh Thị Thành (2023).
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
theo ngành trong nông nghiệp
ở huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ
An giai đoạn 2010-2022.
Vinh Uni. J. Sci.

Vol. 52 (4B), pp. 27-37
doi: 10.56824/vujs.2023B072

OPEN ACCESS

Copyright © 2023. This is an
Open Access article
distributed under the terms of
the [Creative Commons
Attribution License \(CC BY
NC\)](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/), which permits non-
commercially to share (copy
and redistribute the material
in any medium) or adapt
(remix, transform, and build
upon the material), provided
the original work is properly
cited.

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp của huyện Yên Thành đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cơ cấu ngành có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, hướng đến nền nông nghiệp hàng hóa, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch còn chậm, có các thách thức không nhỏ. Bằng việc sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thu thập, thống kê và xử lý tài liệu, số liệu; phân tích, so sánh và tổng hợp; thực địa, bài viết đã phân tích các nhóm nhân tố ảnh hưởng và thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện Yên Thành trong giai đoạn 2010-2022. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra một số giải pháp và định hướng phát triển nông nghiệp hiệu quả trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ cấu kinh tế; nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; huyện Yên Thành.

1. Mở đầu

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu để tạo ra lương thực, thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp. Nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản, lâm nghiệp và thủy sản. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là quá trình làm thay đổi về tỷ lệ giữa các lĩnh vực nông nghiệp theo một chủ đích nhất định. Trong nền kinh tế thị trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp có thể hiểu là sự thay đổi tỷ lệ về quy mô sản xuất, giá trị sản lượng giữa các lĩnh vực của nông nghiệp theo một hướng nào đó nhằm vào mục tiêu đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường và tối đa hiệu quả kinh tế.

Yên Thành là huyện đồng bằng bán sơn địa, nằm về phía Đông Bắc tỉnh Nghệ An. Huyện có 39 đơn vị hành chính, gồm 38 xã, 01 thị trấn; với tổng diện tích đất tự nhiên 54.909,67 ha (chiếm 3,33% diện tích đất tự nhiên của tỉnh Nghệ An). Trong tổng số diện tích đất tự nhiên đó, huyện Yên Thành có 44.005,85 ha đất nông, lâm và thủy sản (chiếm 80,14% diện tích đất tự nhiên của huyện). Năm 2022, dân số của huyện là 311.714 người, với 80.491 hộ gia đình, số người trong độ tuổi lao động là 183.478 người và có

hơn 50% dân số sống ở nông thôn. Vì vậy, nông nghiệp vẫn đang là ngành sản xuất chính của huyện trong việc gia tăng giá trị sản xuất (GTSX), nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm cho người lao động (Chi cục Thống kê huyện Yên Thành, 2022; Cục thống kê tỉnh Nghệ An, 2022).

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp của huyện đã có sự chuyển dịch đúng hướng, phát huy được những lợi thế về đất đai, khí hậu, nguồn lao động, nguồn vốn đầu tư và thị trường trên địa bàn huyện. Với xu hướng chuyển dịch từ trồng trọt sang chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ nông nghiệp, cũng như sự chuyển dịch trong từng lĩnh vực của nông nghiệp. Tuy nhiên, sự chuyển dịch đó diễn ra còn chậm so với lợi thế của địa phương cũng như bối cảnh hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp ở huyện Yên Thành là rất cần thiết.

2. Nội dung, dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài báo tập trung nghiên cứu các cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về phát triển nông nghiệp; phân tích các nhóm nhân tố ảnh hưởng và thực trạng trong phát triển nông nghiệp của huyện Yên Thành giai đoạn 2010-2022. Từ đó, đề xuất một số giải pháp phát triển nông nghiệp ở huyện Yên Thành theo hướng bền vững trong thời gian tới.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu của bài báo được tính toán, phân tích và khai thác từ các nguồn như: Niên giám thống kê của Phòng Thống kê huyện Yên Thành, các báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện và Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp. Những số liệu sơ cấp được thu nhập và sau đó tính toán thành các bảng biểu để dễ so sánh, nhận xét và phân tích. Tất cả các dữ liệu được thu nhập trong giai đoạn từ 2010 đến 2022.

Bài báo đã sử dụng kết hợp các phương pháp như:

- Phương pháp thu thập, thống kê, xử lý tài liệu: Thu thập số liệu, tài liệu thông qua Niên giám thống kê hàng năm của huyện Yên Thành, các báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện và của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Yên Thành, phân tích và nghiên cứu tình hình phát triển nông nghiệp của lãnh thổ theo thời gian.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Trên cơ sở tài liệu đã thu thập được, tác giả tiến hành xử lý để có những tài liệu chính xác và đúng nhất, đảm bảo tin cậy từ đó có thể đưa ra những nhận định và đánh giá chính xác về thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp huyện Yên Thành.

- Phương pháp khảo sát thực địa: Phương pháp thực địa dùng để kiểm chứng mức độ chính xác của các số liệu thu thập được thông qua phiếu khảo sát, tìm hiểu trực tiếp các hình thức sản xuất nông nghiệp chủ yếu ở huyện như: hộ gia đình, hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp. Tác giả phỏng vấn một số cán bộ địa phương, các hộ nông dân, hộ sản xuất về các hoạt động nông nghiệp như: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản ở các xã.

- Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia và các nhà quản lý: Đây là phương pháp thực hiện bằng hệ thống câu hỏi bằng miệng với các chuyên gia về nông nghiệp ở Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Yên Thành; Trưởng/Phó phòng Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn; Trường trạm sản xuất giống và dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn các xã để thu nhập thông tin về hoạt động sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển nông nghiệp huyện Yên Thành

a. Thuận lợi

- Yên Thành là huyện đồng bằng, vùng đất trung du, ba phía Bắc, Tây, Nam là đồi núi thấp, ở giữa và phía Đông là vùng đồng bằng thấp trũng. Trên địa bàn của huyện có cơ bản đầy đủ các dạng địa hình và thổ nhưỡng của nước ta: miền núi, vùng đồi, đồng bằng thuận lợi cho phát triển một ngành nông nghiệp đa dạng.

- Năm 2022, tổng diện tích đất nông, lâm và thủy sản là 44.005,85 ha (trong đó, đất trồng lúa nước là 13.757,53 ha, chiếm 25,05%), đất phi nông nghiệp 10.436,19 ha, chiếm 19,01%, đất chưa sử dụng 467,64 ha, chiếm 0,85%, đất lâm nghiệp có rừng là 20.320,51 ha, chiếm 37,01% (Chi cục Thống kê huyện Yên Thành, 2022). Kết quả đó cho thấy, huyện có diện tích đất nông nghiệp lớn và đa dạng, đất đai phù hợp với nhiều loài cây trồng, có tiềm năng lớn về phát triển nông nghiệp. Huyện Yên Thành có 8 nhóm đất khác nhau gồm đất phù sa không được bồi hàng năm; đất Feralit phát triển trên phiến sét, đất Feralit biến đổi do trồng lúa nước, đất Feralit phát triển trên phiến sét hoặc sa phiến sét, đất nâu vàng phát triển dưới chân đá lèn vôi, đất bạc màu trên phù sa cổ, đất dốc tụ, đất phù sa ven sông suối. Vùng bán sơn địa ở phía Tây và Tây Bắc có đất đai phù hợp cho các loài cây ăn quả phát triển. Những vùng đồi núi như Minh Thành, Mỹ Thành, Đồng Thành, Kim Thành đã trở thành những vùng chuyên canh cây ăn quả nổi tiếng như cam, bưởi, vải, đào, mít thái,...

- Huyện Yên Thành thuộc tiểu khí hậu vùng Bắc Trung Bộ. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa. Số giờ nắng cao, lượng mưa khá lớn. Mùa hè có gió Đông Nam (gió Nồm) đưa hơi nước từ biển vào nên mát mẻ dễ chịu.

- Yên Thành không nhiều sông và không có con sông nào lớn, hầu hết các con sông ngắn và nhỏ. Một số con sông chính của huyện như: sông Dinh, sông Dền, sông Vũ Giang, là nguồn cung cấp nước tưới tiêu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp.

- Nguồn lao động đông, dồi dào: Năm 2022, huyện có 159.305 lao động trong độ tuổi, lực lượng lao động trong ngành nông, lâm và thủy sản là 106.337 người, chiếm 66,75% lao động toàn huyện. Nguồn lao động trẻ, khỏe, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, có khả năng tiếp thu nhanh khoa học kĩ thuật.

- Cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng đang ngày càng được đầu tư, hoàn thiện và đồng bộ, gồm: hệ thống thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện, trạm giống, trung tâm dịch vụ nông nghiệp,... tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- Trong sản xuất nông nghiệp, huyện Yên Thành đã đưa ra nhiều chính sách như: hỗ trợ vốn, giống, phân bón, tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm, nông nghiệp hướng theo hàng hóa, mở các lớp hướng dẫn kĩ thuật trồng cây, chăn nuôi, tham quan các mô hình sản xuất giỏi,...

Những điều kiện thuận lợi nêu trên là cơ sở phát triển nền nông nghiệp đa dạng theo hướng hàng hóa, đồng thời đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngành nông nghiệp và thay đổi bộ mặt nông thôn.

b. Khó khăn

- Về điều kiện tự nhiên, khí hậu rất nắng nóng, thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, thiếu nước, địa hình thấp dễ gây ú đọng, ngập úng trên diện rộng.

- Chất lượng lao động chưa cao, lao động chưa qua đào tạo và trình độ chuyên môn thấp còn chiếm tỷ lệ cao, lao động thủ công là chủ yếu nên năng suất lao động thấp.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng nhìn chung còn lạc hậu, chưa đồng bộ và chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình CNH-HĐH, đặc biệt là hệ thống giao thông và thủy lợi.

- Thị trường giá cả không ổn định đã ảnh hưởng đến tâm lý sản xuất của người dân.

3.2. Những biến đổi trong cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Yên Thành

Bảng 1: Quy mô và cơ cấu GTSX nông, lâm và thủy sản trong cơ cấu kinh tế của huyện Yên Thành giai đoạn 2010-2022

| Tiêu chí | 2010 | 2015 | 2019 | 2021 | 2022 |
|---------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Tổng số (tỉ đồng) | 5.830,8 | 10.094,6 | 15.968,2 | 19.716,3 | 22.001,5 |
| GTSX ngành nông, lâm và thủy sản | 2.635,5 | 4.229,6 | 5.706,8 | 6.995,9 | 7.430,6 |
| 1. Nông nghiệp | 2.437,3 | 3.886,4 | 5.128,8 | 6.347,7 | 6.735,6 |
| - Trồng trọt | 1.206,8 | 1.923,4 | 2.359,0 | 2.783,8 | 2.936,0 |
| - Chăn nuôi | 1.172,0 | 1.858,4 | 2.581,4 | 3.336,5 | 3.571,4 |
| - Dịch vụ nông nghiệp | 58,5 | 104,6 | 188,4 | 227,4 | 228,2 |
| 2. Lâm nghiệp | 104,9 | 161,5 | 293,9 | 320,4 | 345,5 |
| 3. Thủy sản | 93,3 | 181,7 | 284,1 | 327,8 | 349,5 |
| Cơ cấu GTSX ngành nông, lâm và thủy sản (%) | 45,2 | 41,9 | 35,7 | 35,5 | 33,8 |
| 1. Nông nghiệp | 41,8 | 38,5 | 32,1 | 32,2 | 30,6 |
| - Trồng trọt | 20,7 | 19,0 | 14,8 | 14,1 | 13,4 |
| - Chăn nuôi | 20,1 | 18,4 | 16,2 | 16,9 | 16,2 |
| - Dịch vụ nông nghiệp | 1,0 | 1,0 | 1,1 | 1,2 | 1,0 |
| 2. Lâm nghiệp | 1,8 | 1,6 | 1,8 | 1,6 | 1,6 |
| 3. Thủy sản | 1,6 | 1,8 | 1,8 | 1,7 | 1,6 |

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2010, 2022; UBND huyện Yên Thành, 2021a

Trong cơ cấu GTSX của ngành nông, lâm và thủy sản ưu thế thuộc về ngành nông nghiệp (luôn chiếm hơn 30% cơ cấu kinh tế của huyện Yên Thành) và có xu hướng giảm từ 41,8% (năm 2010) xuống còn 30,6% (năm 2022), giảm 11,2%. Trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch rõ rệt: tỷ trọng ngành trồng trọt có xu hướng giảm từ 20,7% (năm 2010) xuống còn 13,4% (năm 2022), giảm 7,3%; tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp có sự biến động mạnh qua các năm (tỷ trọng chăn nuôi giảm từ 20,1% (năm 2010) xuống còn 16,2% (năm 2022), giảm 3,9%; tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp vẫn duy trì sự ổn định từ 1,0%-1,2%).

Hoạt động thủy sản và lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ và có sự biến động mạnh qua các năm. Mặc dù chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp của huyện nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng góp phần bảo vệ môi trường sinh thái của huyện.

3.2.1. Ngành nông nghiệp

a. Trồng trọt

Ngành trồng trọt có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của huyện và đã có bước chuyển dịch tích cực, cơ cấu giống, cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, tập trung vào 3 nhóm cây chính: cây lương thực, cây công nghiệp, rau, hoa và cây cảnh.

Bảng 2: Diện tích và cơ cấu diện tích đất trồng theo nhóm cây ở huyện Yên Thành giai đoạn 2010-2022

| Năm | 2010 | 2015 | 2019 | 2021 | 2022 |
|----------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng số (ha) | 40.173,6 | 39.414,2 | 35.255,0 | 34.489,1 | 34.002,2 |
| Cây lương thực có hạt | 29.893,0 | 29.893,2 | 27.372,0 | 26.751,5 | 26.290,5 |
| Cây chất bột | 2.979,6 | 2.359,8 | 898,0 | 641,8 | 583,1 |
| Cây công nghiệp hàng năm | 982,5 | 785,3 | 580,0 | 568,5 | 516,1 |
| Cây rau đậu, hoa, cây cảnh | 3.458,2 | 3.987,5 | 4.273,0 | 4.452,9 | 4.491,8 |
| Cây công nghiệp lâu năm | 10,8 | 9,2 | 11,0 | 8,0 | 8,3 |
| Cây ăn quả | 2.849,5 | 2.379,2 | 2.121,0 | 2.066,4 | 2.112,4 |

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2010, 2022; UBND huyện Yên Thành, 2021a

Số liệu trong Bảng 2 cho thấy toàn huyện có 34.002,2 ha đất gieo trồng chiếm 57,49% diện tích đất tự nhiên. Trong đó, cây lương thực chiếm tỷ lệ lớn nhất (26.290,5 ha), chiếm 77,32% diện tích gieo trồng (trong đó lúa là 13.757,53 ha, ngô 2.448,6 ha). Tiếp đến là cây rau đậu, hoa, cây cảnh chiếm (4.491,8 ha), chiếm 13,21% diện tích gieo trồng. Ngoài ra, huyện còn có 538,1 ha đất trồng cây khoai, sắn; 516,1 ha đất trồng cây công nghiệp hằng năm; 2.112,4 ha đất trồng cây ăn quả.

Trong cơ cấu diện tích gieo trồng các loại cây của huyện, cây lương thực đứng đầu với hơn 65% tổng diện tích gieo trồng các loại cây (năm 2022) và vẫn luôn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu gieo trồng của huyện. Năm 2022, diện tích trồng lúa cả năm của huyện Yên Thành là 23.841,9 ha chiếm hơn 50% cơ cấu diện tích cây lương thực có hạt của huyện. Ngoài ra, huyện còn trồng ngô, khoai lang, sắn cũng mang lại giá trị kinh tế cao (UBND huyện Yên Thành, phòng kinh tế, 2022).

Hiện nay, cây công nghiệp hàng năm đang được chú trọng phát triển vì vốn đầu tư không lớn, dễ quy hoạch thành các vùng chuyên canh và gắn với các cơ sở chế biến, nhu cầu thị trường lớn khi dân số ngày càng tăng nhanh. Trong cơ cấu cây công nghiệp hằng năm, mía và lạc là 2 cây trồng chủ yếu, chiếm diện tích và sản lượng lớn của huyện.

Cây công nghiệp lâu năm có xu hướng mở rộng về diện tích do các loại cây này có hiệu quả tương đối cao. Ngoài ra, đây là những mặt hàng nông sản có giá trị xuất khẩu và còn làm tăng độ che phủ, có tác dụng bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

Ngoài các loại cây trồng chính nêu trên, Yên Thành còn trồng các loại rau đậu, cây gia vị, dược liệu và các cây ăn quả như cam, chuối, xoài, nhãn, vải, mít,...

Bảng 3: Giá trị và cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt trong cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp của huyện Yên Thành giai đoạn 2010-2022

| Năm | | 2010 | 2015 | 2019 | 2021 | 2022 |
|-----------------------------|------------------------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| GTSX nông nghiệp (tỉ đồng) | | 2.437,3 | 3.886,4 | 5.128,8 | 6.347,7 | 6.735,6 |
| Ngành trồng trọt | | 1.206,8 | 1.923,4 | 2.359,0 | 2.783,8 | 2.936,0 |
| Trong đó | Cây lương thực, cây công nghiệp hằng năm | 953,0 | 1.504,0 | 1.855,3 | 2.263,8 | 2.401,0 |
| | Cây công nghiệp lâu năm | 253,8 | 419,4 | 503,7 | 520,0 | 535,0 |
| Cơ cấu GTSX nông nghiệp (%) | | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 |
| Ngành trồng trọt | | 49,5 | 49,4 | 46,0 | 43,9 | 43,6 |
| Trong đó | Cây lương thực, cây công nghiệp hằng năm | 39,1 | 38,7 | 36,2 | 35,7 | 35,6 |
| | Cây công nghiệp lâu năm | 10,4 | 10,7 | 9,8 | 8,2 | 8,0 |

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2010, 2022; UBND huyện Yên Thành, 2021a

Cơ cấu GTSX ngành trồng trọt chiếm hơn 43% trong tổng cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp của huyện và có sự chuyển dịch rõ rệt: cơ cấu GTSX cây lương thực, cây công nghiệp hằng năm giảm từ 39,1% (năm 2010) xuống 35,6% (năm 2022); cơ cấu GTSX cây công nghiệp lâu năm giảm từ 10,4% (năm 2010) xuống 8,0% (năm 2022). So với cơ cấu GTSX cây công nghiệp lâu năm thì cây lương thực, cây công nghiệp hằng năm chiếm tỷ trọng cao hơn.

Như vậy, ngành trồng trọt của Yên Thành đã tận dụng được những tiềm năng, lợi thế sẵn có của huyện về điều kiện tự nhiên, dân cư, nguồn lao động, từ đó đã xác định được cơ cấu cây trồng phù hợp và mang lại giá trị kinh tế cao.

b. Chăn nuôi

Yên Thành có nhiều thuận lợi để phát triển ngành chăn nuôi. Một số loài vật nuôi chủ yếu là trâu, bò, hươu, dê, ong ở các xã trung du, miền núi và lợn, gà, vịt ở vùng đồng bằng. Trong giai đoạn 2010-2022, tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu GTSX nông nghiệp tăng nhanh từ 44,8% (năm 2010) lên 53,0% (năm 2022), tốc độ tăng ổn định. Điều đó chứng tỏ huyện Yên Thành đã phát huy được những thuận lợi và trong tương lai chăn nuôi sẽ trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp của huyện.

Bảng 4: Số lượng một số gia súc và gia cầm chủ yếu

Đơn vị: con

| Năm | 2010 | 2015 | 2019 | 2021 | 2022 |
|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Trâu | 17.274 | 16.424 | 14.293 | 12.340 | 11.571 |
| Bò | 28.789 | 27.292 | 25.994 | 21.640 | 21.024 |
| Dê | 17.824 | 16.872 | 15.133 | 14.944 | 15.478 |
| Lợn | 129.496 | 117.254 | 94.241 | 77.064 | 79.236 |
| Gia cầm | 5.249.824 | 4.927.823 | 3.355.920 | 3.893.643 | 3.919.713 |

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2010, 2022; UBND huyện Yên Thành, 2021a

Số liệu Bảng 4 cho thấy trong các vật nuôi chính nêu trên, đáng chú ý nhất là gia cầm, đây là lợi thế của huyện Yên Thành. Tổng đàn gia cầm phát triển ngày càng mạnh. Năm 2022, số lượng đàn gà có 2.243.190 con, đàn vịt có 579.500 con, GTSX gia cầm mang lại đạt 1.234,8 tỉ đồng, tăng 4,32% (tương ứng tăng 51,2 tỉ đồng) so với năm trước. Nguyên nhân là do đẩy mạnh hướng chăn nuôi trang trại, xây dựng các mô hình chăn nuôi gà theo hướng VietGAP tại xã Quang Thành, Tây Thành; mô hình chăn nuôi vịt theo hướng VietGAP tại xã Nhân Thành (UBND huyện Yên Thành, phòng kinh tế, 2022).

Ngoài chăn nuôi các loài gia súc, gia cầm chính, các xã trên địa bàn huyện Yên Thành còn nuôi thêm các loài vật nuôi khác như thỏ, hươu, ong,... cũng mang lại giá trị kinh tế cao.

3.2.2. Ngành lâm nghiệp

Lâm nghiệp được coi là thế mạnh của huyện và là một trong những ngành có vai trò quan trọng như: cung cấp gỗ và các lâm sản, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống, đặc biệt là góp phần điều hòa nguồn nước, khí hậu, chống xói mòn, bảo vệ đất, cân bằng sinh thái.

Bảng 5: Cơ cấu GTSX ngành lâm nghiệp của huyện Yên Thành

Đơn vị: %

| Năm | 2010 | 2015 | 2019 | 2021 | 2022 |
|---------------------------|------|------|------|------|------|
| Tổng số | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 1. Trồng và nuôi rừng | 10,0 | 9,8 | 7,0 | 7,1 | 7,5 |
| 2. Khai thác lâm sản | 88,3 | 88,5 | 91,7 | 91,6 | 91,2 |
| 3. Thu nhập sản phẩm rừng | 1,3 | 1,3 | 0,9 | 0,9 | 0,9 |
| 4. Dịch vụ lâm nghiệp | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 |

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2010, 2022; UBND huyện Yên Thành, 2021a

Trong cơ cấu GTSX ngành lâm nghiệp thì hoạt động khai thác gỗ và lâm sản chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng nhanh do mấy năm trở lại đây, người dân trồng cây nguyên liệu giấy chủ yếu từ giống cây ghép nên cây sinh trưởng và phát triển nhanh hơn so với cây giống ươm từ hạt nên trồng từ 4 đến 5 năm đã cho thu hoạch, giá thu mua gỗ nguyên liệu giấy cũng tăng cao. Các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ và không ổn định. Điều đó chứng tỏ hoạt động lâm nghiệp của huyện Yên Thành đang tập trung vào khai thác rừng. Vì vậy, huyện cần phải khai thác rừng hợp lý đi đôi với trồng và khoanh nuôi, bảo vệ rừng (UBND huyện Yên Thành, phòng kinh tế, 2022).

3.2.3. Ngành thủy sản

Đối với huyện Yên Thành, thủy sản luôn được đầu tư và chú trọng phát triển, dịch vụ nuôi con giống tuy mới hình thành nhưng phát triển theo chiều hướng tích cực. Thủy sản được xác định là một trong những ngành kinh tế có vai trò quan trọng như: cung cấp nguồn thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao; nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, thức ăn cho chăn nuôi; tạo việc làm tăng thu nhập nâng cao đời sống cho người dân.

Trong những năm qua, sản xuất thủy sản tiếp tục phát triển mạnh. GTSX ngành thủy sản giai đoạn 2010-2022 tăng 256,2 tỉ đồng, tăng trưởng bình quân 3,02%/năm. Bên

cạnh đó, huyện còn tiếp tục phát triển chăn nuôi các con đặc sản như nuôi ốc bươu đen, ếch, baba, lươn không bùn tại các xã Đức Thành, Thọ Thành, Văn Thành, Long Thành,...

Bảng 6: Cơ cấu GTSX ngành thủy sản của huyện Yên Thành

Đơn vị: %

| Năm | 2010 | 2015 | 2019 | 2021 | 2022 |
|-----------------------------|------|------|------|------|------|
| Tổng số | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Nuôi trồng | 66,7 | 66,6 | 66,1 | 63,0 | 60,8 |
| Khai thác thủy sản tự nhiên | 31,1 | 31,9 | 33,1 | 36,2 | 38,3 |
| Dịch vụ con giống | 2,2 | 1,5 | 0,8 | 0,8 | 0,8 |

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2010, 2022; UBND huyện Yên Thành, 2021a

Trong cơ cấu ngành thủy sản, hoạt động khai thác thủy sản tự nhiên tăng dần tỷ trọng từ 31,1% (năm 2010) lên 38,3% (năm 2022). Nguyên nhân là do người dân đã có xu hướng đầu tư những công cụ đánh bắt thủy sản chuyên nghiệp hơn như thuyền xuồng có động cơ, các lưới đánh bắt thủy sản để tận dụng lợi thế hơn 900 ha mặt nước hồ đập, trong đó đập Vệ Vùng hơn 600 ha. Bên cạnh đó, do nhu cầu tiêu thụ cua đồng, lươn, ốc rất lớn; giá cả cao nên vào giai đoạn nông nhàn, có hàng ngàn lao động tham gia đánh bắt thủy sản khác về bán tăng thêm thu nhập, điển hình ở một số xã như Long Thành, Khánh Thành, Xuân Thành, Phú Thành, Hồng Thành, Đức Thành. Hoạt động nuôi trồng có xu hướng giảm xuống tương ứng từ 66,7% (năm 2010) xuống còn 60,8% (năm 2022) nguyên nhân là do một số ao nuôi trong dân chuyển mục đích sử dụng sang làm vườn, nhà (UBND huyện Yên Thành, phòng kinh tế, 2022).

3.2.4. Ngành chế biến và dịch vụ nông nghiệp

Đây là ngành cung cấp các dịch vụ cho nông nghiệp như phân bón, máy móc, các sản phẩm và phương tiện sản xuất phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp của nông dân. Các dịch vụ nông nghiệp giúp cho việc hoạt động của người nông dân, các công ty kinh doanh và sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trở nên dễ hơn. Ngoài ra, dịch vụ nông nghiệp còn giúp nâng cao năng suất, chất lượng vật nuôi, cây trồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa.

Đối với huyện Yên Thành, trong những năm qua cơ cấu dịch vụ nông nghiệp chuyển dịch còn chậm và chưa ổn định, dịch vụ thuần nông còn chiếm tỷ lệ lớn nhất và có xu hướng giảm. Dịch vụ lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng tăng nhưng không đáng kể và không ổn định (UBND huyện Yên Thành, phòng kinh tế, 2022).

Hiện nay, ở các vùng nguyên liệu huyện đã xây dựng và đẩy mạnh hoạt động các cơ sở chế biến như cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở chế biến đường, cơ sở chế biến chè,... nhằm mục đích nâng cao giá trị sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

3.3. Những vấn đề đặt ra trong phát triển ngành nông nghiệp huyện Yên Thành

Trong những năm qua, mặc dù ngành nông nghiệp của huyện đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, song cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch còn chậm, chưa thực sự phát huy được lợi thế của huyện, thể hiện:

- Trong nội bộ ngành, nông nghiệp thuần vẫn ở mức cao, chiếm tới 90,6% GTSX nông, lâm, thủy sản; trong khi đó, lâm nghiệp, thủy sản và ngành chế biến và dịch vụ

nông nghiệp chiếm tỉ trọng rất nhỏ và không ổn định (lâm nghiệp 4,6%; thủy sản 4,8%; ngành chế biến và dịch vụ nông nghiệp 3,4%).

- Tỷ trọng ngành trồng có xu hướng giảm nhưng còn chậm, từ 57,8% (năm 2010), xuống còn 43,6% (năm 2022). Trong cơ cấu cây trồng, lúa vẫn là lương thực chính của huyện và việc chuyển đổi lúa sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn còn chậm.

- Ngành lâm nghiệp của huyện còn chú trọng vào khai thác gỗ và lâm sản, hoạt động trồng và khoanh nuôi rừng chưa được chú ý.

- Trong cơ cấu ngành thủy sản, khai thác thủy sản tự nhiên chiếm tỷ trọng cao và có xu hướng tăng. Tuy nhiên, hoạt động khai thác còn mang tính tự phát cao, sử dụng các phương tiện mang tính hủy diệt còn lớn. Hoạt động nuôi trồng có xu hướng giảm, chủ yếu tự phát theo quy mô hộ gia đình. Các loại hình dịch vụ thủy sản chưa thật sự phát triển.

Nhìn chung, chuyển dịch cơ cấu theo ngành trong nông nghiệp ở Yên Thành còn chủ yếu nhằm vào khai thác tài nguyên, chi phí đầu vào cao, hàm lượng đầu tư khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa còn thấp. Bên cạnh đó, còn đối mặt với nhiều khó khăn như thiên tai (ngập úng, bão lũ, thiếu nước,...) thị trường tiêu thụ biến động, giá cả không ổn định, cạnh tranh, vốn đầu tư còn ít,....

3.4. Một số giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp huyện Yên Thành theo hướng bền vững trong thời gian tới

Sau quá trình nghiên cứu, kết quả tổng hợp số liệu, tác giả đã đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu trong phát triển ngành nông nghiệp của huyện Yên Thành. Để đưa nông nghiệp của huyện phát triển hơn nữa và phát huy được vai trò quan trọng của nó trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội thì cần phải xây dựng được các giải pháp và có những chính sách phù hợp để vừa khắc phục những hạn chế, phát huy những lợi thế để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, bao gồm:

- Củng cố và nâng cao năng lực, hiệu quả của hệ thống khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật,... Làm tốt việc hướng dẫn, trang bị kiến thức cho nông dân, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ hiện đại (công nghệ sinh học, công nghệ tưới, cơ giới hóa,...) trong nước và thế giới để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy trình ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất của từng xã. Tập huấn, phổ biến, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân nhằm phát triển, nhân ra diện rộng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao có hiệu quả bền vững.

- Đào tạo nghề nông cho nông dân và các chủ trang trại giúp nâng cao kiến thức, hiểu biết về khoa học kỹ thuật hướng tới năng suất cao, chất lượng tốt.

- Tiếp tục phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, gắn với công nghiệp chế biến như: cam, sắn, nguyên liệu giấy, mở rộng diện tích nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao đối với một số loại rau, cây ăn quả, lúa có lợi thế của huyện để tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Xây dựng, phát triển các làng nghề, làng có nghề, các mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, du lịch tâm linh. Khuyến khích phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ ở khu vực nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

- Áp dụng đúng quy trình VietGAP, GMP (tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt) trong sản xuất ở các khu, vùng nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao ở tất cả các khâu.

4. Kết luận

Có thể nói, huyện Yên Thành đã khẳng định được vai trò và vị thế của huyện trong nền nông nghiệp tỉnh Nghệ An. Quy mô GTSX ngành nông nghiệp ngày càng lớn, cơ cấu kinh tế nông nghiệp đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Ngành trồng trọt tập trung vào các loại cây phù hợp với điều kiện sinh thái của huyện như cây công nghiệp hằng năm, cây ăn quả. Ngành chăn nuôi phát triển theo hướng bền vững, tăng số lượng vật nuôi và thịt; hình thức chăn nuôi ngày càng đa dạng, chăn nuôi theo hình thức trang trại, công nghiệp ngày càng phổ biến; cơ sở vật chất kỹ thuật các trang trại chăn nuôi ngày càng hoàn thiện, hiện đại và được đầu tư khá đồng bộ trên địa bàn các xã trong huyện. Ngành nuôi trồng thủy sản và dịch vụ nông nghiệp đang có những chính sách phát triển phù hợp. Sự chuyển dịch đó phù hợp với xu thế chung của nền nông nghiệp cả nước và cả tỉnh Nghệ An nói chung.

Trong những năm tới, huyện Yên Thành cần có những giải pháp đúng đắn và kịp thời hơn nữa để phát triển một nền nông nghiệp theo hướng hàng hóa và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chi cục Thống kê huyện Yên Thành (2010, 2022). *Niên giám thống kê huyện Yên Thành năm 2010 và năm 2022*. NXB Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Nghệ An (2010, 2022). *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2010 và năm 2022*. NXB Thống kê.
- UBND huyện Yên Thành (2021a). *Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*.
- UBND huyện Yên Thành (2021b). *Đề án đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ cao vào sản xuất Nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm gắn với chế biến và tiêu thụ trên địa bàn huyện Yên Thành đến năm 2025, định hướng đến 2030*.
- UBND huyện Yên Thành, phòng kinh tế (2022). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Thành giai đoạn 2010-2022*.
- [6] Lê Tiến Hữu, Hà Thị Kim Thanh, Hồ Thị Phương, Phan Thị Lan Anh, Nguyễn Xuân Tiên (2023). *Nghiên cứu mối tương quan giữa diện tích sử dụng đất nông nghiệp đến tải lượng các chất dinh dưỡng trong môi trường nước trên lưu vực sông Cả*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, 52(3A), pp. 91-104, 2023. DOI: 10.56824/vujs.2023a056.

ABSTRACT

**ECONOMIC RESTRUCTURING BY BRANCH
IN AGRICULTURE IN YEN THANH DISTRICT,
NGHE AN PROVINCE IN THE PERIOD OF 2010-2022**

Dinh Thi Thanh^{1,2}

¹*Bach Lieu Secondary School - Yen Thanh Town, Nghe An, Vietnam*

²*Graduate student majoring in Geography, Vinh University, Nghe An, Vietnam*

Received on 23/6/2023, accepted for publication on 27/7/2023

In recent years, agricultural production of Yen Thanh district has achieved many remarkable results. The structure of the industry has changed in a positive direction towards commodity agriculture, sustainable development and adaptation to climate change. However, the transition speed is still slow with significant challenges. By using a combination of research methods such as: methods of collection, statistics and processing of documents and data; analyze, compare and synthesize; field method, etc. the article has analyzed groups of influencing factors and the actual situation of agricultural restructuring in Yen Thanh district in the period 2010-2022. Since then, the author has come up with a number of effective solutions and orientations for agricultural development in the coming time.

Keywords: Economic structure; agriculture; economic restructuring; Yen Thanh district.